|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1****Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022****MÔN ĐỊA LÍ 12** |

**Câu 1:**  Hình thành cơ cấu nông - lâm- ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa

 **A.** giải quyết việc làm cho phần lớn lao động.

 **B.** thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **C.** khắc phục các hạn chế về tự nhiên của vùng.

 **D.** góp phần hình hình thành cơ cấu ngành kinh tế.

**Câu 2:** Các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển

 **A.** cây hồ tiêu, chè. **B.** cây công nghiệp hàng năm.

 **C.** cây công nghiệp lâu năm. **D.** cây lúa nước.

**Câu 3:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế của khẩu nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Tây Trang **B.** Cầu Treo **C.** Thanh Thùy **D.** Tà Lùng

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Tỉ tọng dịch vụ chiếm vị trí thứ hai.

 **B.** Tỉ trọng nông, lâm nghiệp, thuỷ sản nhỏ nhất.

 **C.** Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ nhất.

 **D.** Tỉ trọng nông, lâm nghiệp, thuỷ sản lớn nhất.

**Câu 5:** Để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Tây Nguyên cần

 **A.** trồng rừng kết hợp với trồng cây công nghiệp. **B.** mở rộng diện tích rừng.

 **C.** mở rộng công nghiệp chế biến. **D.** mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp.

**Câu 6:** Nghề làm muối phát triển mạnh ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là nhờ

 **A.** ngư dân có nhiều kinh nghiệm làm muối.

 **B.** độ muối của biển cao hơn các vùng khác.

 **C.** được nhà nước quan tâm đầu tư, bờ biển phẳng.

 **D.** độ mặn cao, nhiều nắng, ít mưa, ít sông đổ ra biển,.

**Câu 7:**  Loại khoáng sản có giá trị hơn cả ở đồng bắng sông Hồng là

 **A.** sét cao lanh và khí đốt. **B.** Đá vôi và than đá.

 **C.** đá vôi và sét cao lanh. **D.** dầu mỏ và sét cao lanh.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khai thác Bôxít có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ

 **A.** Sơn La. **B.** Lai Châu. **C.** Yên Bái. **D.**  Cao Bằng.

**Câu 9:**  So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc có

 **A.** nhiều trung tâm công nghiệp lớn. **B.** trữ năng thủy điện lớn hơn.

 **C.** cơ sở vật chất hạ tầng tốt hơn. **D.** tài nguyên khoáng sản phong phú hơn.

**Câu 10:** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ dưới 9 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Nha Trang, Phan Thiết **B.** Quảng Ngãi, Quy Nhơn.

 **C.** Đà Nẵng, Nha Trang. **D.** Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

**Câu 11:** Loại rừng nào chiếm tỉ lệ lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng tự nhiên. **C.** Rừng đặc dụng. **D.** Rừng sản xuất.

**Câu 12:**  Ở Duyên hải Nam Trung Bộ, dầu khí được khai thác tại tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bình Thuận. **B.** Bình Định . **C.** Phú Yên. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 13:** Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu sản lượng thủy sản Bắc Trung Bộ giai đoạn 2000 – 2015.

**B.** Sản lượng thủy sản phân theo ngành của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2000 – 2015.

**C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản Bắc Trung Bộ giai đoạn 2000 – 2015.

**D.** Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2000 – 2015.

**Câu 14:**  Cảng nước sâu Cái Lân thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Ninh Bình. **C.** Hải Phòng. **D.** Thanh Hoá.

**Câu 15:**  Căn cứ vào Át lát Địa lý Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu nước khoáng Kênh Gà thuộc tỉnh/thành nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng?

 **A.** Vĩnh Phúc. **B.** Hải Dương. **C.** Nam Định. **D.** Thái Bình.

**Câu 16:**  Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là do

 **A.** có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.

 **B.** có các cánh đồng giữa núi, đất phù sa cổ màu mỡ.

 **C.** phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các đá mẹ khác.

 **D.** khí hậu nhiệt đới ấm gió mùa với một mùa đông lạnh.

**Câu 17:** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào ở Đồng Bằng Sông Hồng có giá trị sản xuất từ 40- 120 nghìn tỉ đồng ?

 **A.** Hà Nội . **B.** HưngYên . **C.** Nam Đinh. **D.** Hải Phòng.

**Câu 18:**  Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

 **A.** Bắc Ninh. **B.** Bắc Giang. **C.** Vĩnh Phúc. **D.** Hải Dương.

**Câu 19:**  Hướng chuyên môn hóa cây thực phẩm vụ đông, đặc biệt là các loại rau quả cao cấp (súp lơ, su hào, bắp cải...) là của vùng nông nghiệp

 **A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, trong các cây công nghiệp chuyên mônhóa ở Bắc Trung Bộ **không** có loại cây công nghiệp nào sau đây?

 **A.** Cà phê. **B.** Cao su. **C.** Chè. **D.** Điều.

**Câu 21:** Ở Tây Nguyên có các cao nguyên có độ cao trên 1000m, khí hậu mát mẽ thuận lợi trồng cây công nghiệp nào sau đây ?

 **A.** Cà phê vối **B.** Cà phê chè. **C.** Hồ Tiêu. **D.** Cao Su.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi nằm trên sông nào sau đây?

 **A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông La Ngà. **C.** Sông Trà Khúc. **D.** Sông Đà Rằng.

**Câu 23:** Cà Ná là cánh đồng muối nỗi tiếng của Duyên hải Nam Trung Bộ thuộc các tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Ngãi. **B.**  Bình Thuận. **C.** Ninh Thuận. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 24:** Cho bảng số liệu:

**Diện tích rừng bị mất do bị cháy và bị chặt phá ở Tây Nguyên giai đoạn 2010 – 2014**. ( *Đơn vị: ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2013** | **2014** |
| Diện tích rừng bị cháy | 238,4 | 3,1 | 196,5 | 40,5 |
| Diện tích rừng bị chặt phá | 2951,8 | 1093,7 | 487,8 | 355,8 |
| Tổng | 3190,2 | 1096,8 | 684,3 | 396,3 |

Để thể hiện diện tích rừng bị mất của Tây Nguyên giai đoạn 2010 – 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Biểu đồ cột chồng. **B.** Biểu đồ cột ghép.

 **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ tròn.

**Câu 25:**  Việc làm đang là vấn đề nan giải ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

 **A.** lao động trồng trọt đông, dịch vụ còn chưa đa dạng.

 **B.** dân đông, tài nguyên tự nhiên bị khai thác quá mức.

 **C.** nguồn lao động dồi dào, kinh tế còn chậm phát triển.

 **D.** mật độ dân số cao, phân bố dân cư không đồng đều.

**Câu 26:**  Hạn chế lớn nhất đối với việc phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** thiếu nguyên liệu. **B.** cơ sở vật - chất kĩ thuật chưa đồng bộ.

 **C.** người dân thiếu kinh nghiệm. **D.** chất lượng nguồn lao động hạn chế.

**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Nghệ An. **B.** Quảng Trị. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

**Câu 28:**  Đất chiếm phần lớn diện tích của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

 **A.** đất phù sa cổ. **B.** đất mùn pha cát.

 **C.** đất feralit trên đá bazan. **D.** đất feralit trên đá vôi.

**Câu 29:**  Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng chính là

 **A.** chống xói mòn, rửa trôi. **B.** hạn chế tác hại của lũ.

 **C.** hạn chế sự duy chuyển của cồn cát. **D.** điều hòa nguồn nước.

**Câu 30:** Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

 **A.** đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm. **B.** tìm thị trường xuất khẩu ổn định.

 **C.** đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp. **D.** quy hoạch lại các vùng chuyên canh.

**Câu 31:** Tỉnh nào sau đây có diện tích trồng chè nhiều nhất nước ta?

 **A.** Lâm Đồng. **B.** Kon Tum. **C.** Gia Lai. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 32:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các khu kinh tế ven biển của Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Cái Lân, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây.

 **B.** Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây.

 **C.** Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây, Dung Quất.

 **D.** Nghi Sơn, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây.

**Câu 33:** Cho bảng số liệu

DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LÚA VÀ SẢN LƯỢNG LÚA BÌNH QUÂN THEO ĐẦU NGƯỜI

CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN 2000 – 2015

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** | **2015** |
| Dân số (nghìn người) | 16.849,8 | 18.048,7 | 19.012,8 |
| Sản lượng lúa (tấn) | 6.586,6 | 6.596,8 | 6.517,6 |
| Sản lượng lúa bình quân theo đầu người (kg/người) | 390,9 | 365,5 | 342,8 |

Dựa vào bảng số liệu về dân số, sản lượng lúa và sản lượng lúa bình quân đầu người của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2000 -2015, em hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng?

 **A.** Dân số tăng, sản lượng lúa bình quân theo đầu người giảm.

 **B.** Sản lượng lúa và sản lượng lúa bình quân theo đầu người đều giảm.

 **C.** Dân số tăng, sản lượng lúa giảm.

 **D.** Sản lượng lúa bình quân theo đầu người giảm, dân số giảm.

**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Quy Nhơn. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Nẵng. **D.** Dung Quất.

**Câu 35:**  Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy điện lớn là do

 **A.** có nguồn nguyên liệu dồi dào.

 **B.** đáp ứng nhu cầu về điện của Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** có trữ lượng lớn về than và thuỷ năng.

 **D.** nhu cầu về năng lượng của vùng rất lớn.

**Câu 36:** Thuận lợi chủ yếu cho việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng.

 **B.** biển có nhiều loài cá quý và nhiều loài tôm, mực.

 **C.** kề ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.

 **D.** bờ biển có nhiều vụng, đầm phá.

**Câu 37:**  Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước chủ yếu do

 **A.** cơ sở hạ tầng tốt. **B.** lịch sử khai thác lâu đời.

 **C.** đất đai màu mỡ. **D.** trình độ thâm canh cao.

**Câu 38:**  Cây công nghiệp nào sau đây là quan trọng nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Thuốc lá. **B.** Đỗ tương. **C.** Cà phê. **D.** Chè.

**Câu 39:**  Tỉnh nào sau đây có trữ lượng than lớn nhất nước ta?

 **A.** Lạng Sơn. **B.** Quảng Ninh. **C.** Thái Nguyên. **D.** Quảng Nam.

**Câu 40:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sản xuất cà phê ở Tây Nguyên phát triển chưa ổn định?

 **A.** Thị trường luôn biến động. **B.** Mùa khô kéo dài.

 **C.** Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi. **D.** Công nghiệp chế biến còn hạn chế.

*------ HẾT ------*

*Học sinh không được sử dụng tài liệu. CBCT không giải thích gì thêm.*

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành.*

**Họ và tên học sinh:**…………………………..**Lớp:**………….**Số báo danh:**……………….

**Chữ ký của CBCT:**………………………………….

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **6** | **D** | **11** | **A** | **16** | **D** | **21** | **B** | **26** | **A** | **31** | **A** | **36** | **D** |
| **2** | **B** | **7** | **C** | **12** | **A** | **17** | **D** | **22** | **B** | **27** | **C** | **32** | **D** | **37** | **D** |
| **3** | **B** | **8** | **D** | **13** | **B** | **18** | **B** | **23** | **C** | **28** | **D** | **33** | **D** | **38** | **D** |
| **4** | **C** | **9** | **B** | **14** | **A** | **19** | **B** | **24** | **A** | **29** | **C** | **34** | **A** | **39** | **B** |
| **5** | **A** | **10** | **B** | **15** | **C** | **20** | **D** | **25** | **C** | **30** | **B** | **35** | **C** | **40** | **A** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2****Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022****MÔN ĐỊA LÍ 12** |

**Câu 41.** Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động nước ta chủ yếu ở khu vực

 **A.** thành thị **B.** đồng bằng **C.** miền núi **D.** nông thôn

**Câu 42.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 22 cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng dầu thô và than sạch của nước ta từ năm 2000 – 2007?

 **A.** sản lượng than tăng nhanh hơn dầu

 **B.** sản lượng than tăng liên tục

 **C.** sản lượng dầu thô và than tăng liên tục qua các năm

 **D.** sản lượng dầu có xu hướng giảm

**Câu 43.** Nước ta phân ra thành các đô thị trực thuộc trung ương và trực thuộc tỉnh là dựa vào

 **A.** chức năng đô thị **B.** cấp quản lý

 **C.** tỷ lệ dân phi nông nghiệp **D.** mật độ dân số đô thị

**Câu 44.** Thành phần kinh tế nào vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

 **A.** kinh tế nhà nước **B.** kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

 **C.** kinh tế tư nhân **D.** kinh tế ngoài nhà nước

**Câu 45.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 15 cho biết tỷ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2007(%)

 **A.** 72,6 **B.** 75,8 **C.** 76,4 **D.** 71,9

**Câu 46.** Việt Nam là thành viên của ASEAN từ

 **A.** tháng 12- 2006 **B.** tháng 5- 1997 **C.** tháng 1- 2007 **D.** tháng 7- 1995

**Câu 47.** Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung lớn nhất trên hệ thống sông

 **A.** Mê Kông và Đồng Nai **B.** Xê Xan và Xrêpok

 **C.** sông Mã và sông Cả **D.** Hồng và Đồng Nai

**Câu 48.** Với việc Việt Nam gia nhập WTO thì vai trò của thành phần kinh tế nào ngày càng quan trọng trong giai đoạn đổi mới đất nước?

 **A.** kinh tế thị trường **B.** kinh tế có vôn đầu tư nước ngoài

 **C.** kinh tế nhà nước **D.** kinh tế ngoài nhà nước

**Câu 49.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 15 cho biết đô thị nào sau đây ở Đông Nam Bộ có số dân dưới 100000 người

 **A.** Bà Rịa **B.** Biên Hòa **C.** Thủ Dầu Một **D.** Tây Ninh

**Câu 50.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 17 (biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 1990- 2007), nhận xét nào sau đây **không đúng?**

 **A.** công nghiệp- xây dựng tăng nhanh tỷ trọng

 **B.** dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhưng chưa ổn định

 **C.** nông – lâm – ngư nghiệp giảm nhanh tỷ trọng

 **D.** tỷ trọng dịch vụ tăng nhanh và liên tục

**Câu 51.** Gía trị sản xuất công nghiệp nước ta cao nhất ở vùng

 **A.** Đồng Bằng Sông Hồng **B.** Bắc Trung Bộ

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Đông Nam Bộ

**Câu 52.** Cho BSL về sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế nước ta (triệu kwh)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67678 | 123291 | 133081 | 165548 |
| Ngoài nhà nước | 1721 | 5941 | 7333 | 12622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22323 | 12018 | 17535 | 13423 |

Theo bảng số liệu trên, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện theo thành phần kinh tế nước ta giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ thích hợp nhất là

 **A.** đường **B.** tròn **C.** miền **D.** cột

**Câu 53.** Thành tựu lớn nhất trong sản xuất lương thực ở nước ta là

 **A.** đảm bảo được an ninh lương thực. **B.** cơ cấu mùa vụ thay đổi.

 **C.** tăng năng suất lúa. **D.** tăng diện tích trồng lúa.

**Câu 54.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 21 cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỷ đồng?

 **A.** Hà Nội, Hải Phòng **B.** Hải Phòng, Vũng Tàu

 **C.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh **D.** Biên Hòa, Thủ Dầu Một

**Câu 55.** Thành phố nào sau đây **không phải** là thành phố trực thuộc tỉnh

 **A.** Rạch Giá **B.** Cần Thơ **C.** Huế **D.** Đà Lạt

**Câu 56.** Đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất lương thực

 **A.** lớn thứ nhất và năng suất lúa dẫn đầu cả nước

 **B.** lớn thứ nhất và có năng suất lúa lớn thứ 2

 **C.** lớn thứ 2 và năng suất lúa cao nhất nước

 **D.** lớn thứ 2 và năng suất lúa lớn thứ 2

**Câu 57.** Căn cứ vào Átlat trang 18 cho biết 2 vùng chuyên canh chè lớn nhất nước ta

 **A.** Bắc Trung Bộ và đồng bằng Sông Hồng

 **B.** Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ

 **C.** trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên

 **D.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên

**Câu 58.** Căn cứ vào Átlát địa lý Việt Nam trang 20 cho biết tỷ trọng sản lượng thuỷ sản nuôi trồng và đánh bắt năm 2007 thứ tự là

 **A.** 26,1% và 73,9% **B.** 57,3% và 42,7% **C.** 42,7 %và 57,3% **D.** 50,5% và 49,5%

**Câu 59.** Thế mạnh của nguồn lao động nước ta là

 **A.** chất lượng lao động ngày càng tăng

 **B.** lao động có trình độ trên đại học ngày càng lớn

 **C.** ý thức trách nhiệm rất cao

 **D.** nhiều công nhân kỹ thuật lành nghề

**Câu 60.** Nhóm ngành có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là

 **A.** chế biến **B.** sản xuất điện, khí đốt, nước

 **C.** khai thác **D.** phân phối điện, khí đốt, nước

**Câu 61.** Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta thể hiện ở sự hình thành

 **A.** các trung tâm kinh tế với quy mô lớn

 **B.** các vùng chuyên canh và các khu công nghiệp tập trung

 **C.** các vùng chuyên canh cây công nghiệp

 **D.** các vùng sản xuất lương thực thực phẩm

**Câu 62.** Chăn nuôi gia cầm ở nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do

 **A.** nguồn lao động dồi dào **B.** nhiều giống cho năng suất cao

 **C.** khí hậu nhiệt đới gió mùa **D.** cơ sở thức ăn được đảm bảo

**Câu 63.** Căn cứ vào Átlát địa lý Việt Nam trang 22 cho biết các nhà máy thuỷ điện Sơn La, Hoà Bình, Thác Bà thuộc hệ thống sông nào

 **A.** sông Thái Bình. **B.** sông Đà. **C.** sông Nậm Mu. **D.** sông Hồng.

**Câu 64.** Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền nam là

 **A.** gỗ, than và dầu **B.** dầu và khí tự nhiên

 **C.** than và khí tự nhiên **D.** than và dầu

**Câu 65.** Vùng có số đô thị nhiều nhất nước ta năm 2006 là

 **A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng Bằng Sông Cửu Long.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng Bằng Sông Hồng.

**Câu 66.** Biểu đồ sau thể hiện điều gì về sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 1990 – 2015 

 **A.** sự thay đổi sản lượng thủy sản

 **B.** sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản

 **C.** tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản

 **D.** quy mô sản lượng thủy sản

**Câu 67.** Vùng nuôi tôm và cá lớn nhất nước là

 **A.** đồng bằng sông Hồng. **B.** đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 68.** Công cuộc đổi mới của nước ta bắt đầu từ lĩnh vực

 **A.** nông nghiệp **B.** công nghiệp

 **C.** giao thông vận tải **D.** dịch vụ du lịch

**Câu 69.** Căn cứ vào Átlat trang 18 cho biết vùng nào sau đây có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nhiều nhất?

 **A.** duyên hải Nam Trung Bộ **B.** Bắc Trung Bộ

 **C.** đồng bằng sông Cửu Long **D.** đồng bằng sông Hồng

**Câu 70.** Hiện nay khu vực chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP của nước ta là

 **A.** nông – lâm – ngư nghiệp **B.** nông nghiệp

 **C.** dịch vụ **D.** công nghiệp – xây dựng

**Câu 71.** Cho BSL về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

Theo BSL, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** miền **B.** cột

 **C.** kết hợp đường và cột **D.** đường

**Câu 72.** Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng đánh bắt ở nước ta là

 **A.** Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, Cà Mau.

 **B.** Cà Mau, Bình Thuận, Kiên Giang, Khánh Hoà.

 **C.** Cà Mau, Bình Thuận, Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu.

 **D.** Cà Mau, Bình Thuận, Kiên Giang, Bạc Liêu.

**Câu 73.** Cơ sở để phân chia công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm thành 3 phân ngành là

 **A.** đặc điểm sản xuất. **B.** nguồn nguyên liệu.

 **C.** công dụng của sản phẩm. **D.** nơi phân bố sản xuất

**Câu 74.** Căn cứ vào Átlat địa lý Việt Nam trang 15 cho biết tỷ lệ lao động trong khu vực kinh tế công nghiệp từ 1995 – 2007 chuyển dịch theo hướng

 **A.** giữ nguyên **B.** giảm liên tục **C.** tăng liên tục **D.** không ổn định

**Câu 75.** Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

 **A.** lao động có kinh nghiệm

 **B.** cơ sở chế biến ngày càng phát triển

 **C.** đất phù sa màu mỡ

 **D.** khí hậu nhiệt đới ẩm

**Câu 76.** Căn cứ vào Átlát địa lý Việt Nam trang 21 cho biết giá trị sản xuất công nghiệp nước ta từ năm 2000 đến 2007 tăng khoảng

 **A.** 4,3 lần. **B.** 6, 3 lần. **C.** 5,5 lần. **D.** 5,3 lần.

**Câu 77.** Nhận định nào sau đây **không đúng** về ảnh hưởng tích cực của quá trình đô thị hóa

 **A.** thúc đẩy nông – lâm – ngư phát triển

 **B.** tạo việc làm cho người lao động

 **C.** làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế

 **D.** tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật

**Câu 78.** Cho BSL về sản lượng thủy sản các loại của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2000- 2015(đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng Sản lượng | Đánh bắt | Nuôi trồng |
| 2000 | 164.9 | 136.7 | 28.2 |
| 2005 | 247.7 | 182.2 | 65.5 |
| 2010 | 338 | 240.9 | 97.1 |
| 2015 | 496.4 | 353.7 | 142.7 |

Theo bảng số liệu nhận xét nào sau đây không đúng khi nói về ngành thủy sản Bắc Trung Bộ?

 **A.** sản lượng đánh bắt tăng nhanh hơn nuôi trồng  **B.** sản lượng đánh bắt luôn lớn hơn nuôi trồng

 **C.** sản lượng nuôi trồng tăng liên tục  **D.** tổng sản lượng thủy sản tăng liên tục

**Câu 79.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, ngành có tỷ trọng cao nhất là

 **A.** thủy sản **B.** trồng trọt **C.** dịch vụ nông nghiệp **D.** chăn nuôi

**Câu 80.** Căn cứ vào Átlat trang 19 cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích cây lương thực đạt trên 90%?

 **A.** Hòa Bình **B.** Thanh Hóa **C.** Thái Bình **D.** Nghệ An

***------ HẾT ------***

Ghi chú: ***Học sinh được sử dụng Át lát địa lí Việt Nam***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** | **D** | **46** | **D** | **51** | **D** | **56** | **C** | **61** | **B** | **66** | **B** | **71** | **D** | **76** | **A** |
| **42** | **C** | **47** | **D** | **52** | **C** | **57** | **C** | **62** | **D** | **67** | **B** | **72** | **C** | **77** | **A** |
| **43** | **B** | **48** | **B** | **53** | **A** | **58** | **D** | **63** | **D** | **68** | **A** | **73** | **B** | **78** | **A** |
| **44** | **A** | **49** | **A** | **54** | **C** | **59** | **A** | **64** | **B** | **69** | **C** | **74** | **C** | **79** | **B** |
| **45** | **A** | **50** | **D** | **55** | **B** | **60** | **A** | **65** | **A** | **70** | **D** | **75** | **C** | **80** | **C** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 3****Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022****MÔN ĐỊA LÍ 12** |

**Câu 1: Chất lượng nguồn lao động của nước ta được nâng lên nhờ**

 **A.** việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

 **B.** tăng cường giáo dục hướng nghiệp, đa dạng các loại hình đào tạo.

 **C.** những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

 **D.** việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

**Câu 2: Cho biểu đồ:**



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào dưới đây ***đúng*** về tình hình SX lúa của nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014?

 **A.** Năng suất lúa cả năm tăng - giảm thất thường.

 **B.** Diện tích lúa cả năm ở nước ta có xu hướng tăng liên tục.

 **C.** Sản lượng lúa cả năm của nước ta tăng trưởng bấp bênh.

 **D.** Diện tích lúa tăng chậm, năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh.

**Câu 3: Nguyên nhân chính dẫn đến *giảm* tỉ lệ gia tăng dân số nước ta hiện nay là**

 **A.** kết quả của kế hoạch hoá gia đình. **B.** kinh tế ngày càng phát triển.

 **C.** mức sống ngày càng được cải thiện. **D.** công tác y tế có nhiều tiến bộ.

**Câu 4: Ý nào sau đây *không* đúng với ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?**

 **A.** Đem lại hiệu quả kinh tế cao. **B.** Có thế mạnh lâu dài.

 **C.** Thúc đẩy các ngành khác phát triển. **D.** Có nguồn lao động dồi dào.

**Câu 5: Tác động *lớn nhất* của quá trình đô thị hóa đến nền kinh tế nước ta là**

 **A.** giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị. **B.** tăng nhanh thu nhập cho người dân.

 **C.** tạo ra thị trường có sức cạnh tranh lớn. **D.** đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 6: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, dân tộc nào ở nước ta có số dân đông thứ 2 sau dân tộc Kinh?**

 **A.** Khơ - me. **B.** Thái. **C.** Mường. **D.** Tày.

**Câu 7: Yếu tố tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng *nhiều nhất* tới hoạt động khai thác thuỷ sản ở nước ta?**

 **A.** Thuỷ triều đỏ và gió mùa Tây Nam. **B.** Bão và gió mùa Đông Bắc.

 **C.** Sạt lở bờ biển và thuỷ triều. **D.** Động đất và sương mù ngoài biển.

**Câu 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, xác định 2 trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng là**

 **A.** Hà Nội, Hải Phòng. **B.** Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

 **C.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. **D.** Hải Phòng, TP. Hồ Chi Minh.

**Câu 9: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây có quy mô dân số ( 2007) dưới 500 nghìn dân?**

 **A.** Hạ Long. **B.** Cần Thơ. **C.** Biên Hòa. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 10: Đô thị nào sau đây là đô thị trực thuộc tỉnh ở nước ta?**

 **A.** Vinh. **B.** Cần Thơ. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng.

**Câu 11: Dân cư phân bố không đều gây ra khó khăn chủ yếu cho ?**

 **A.** sử dụng lao động và khai thác tài nguyên. **B.** ổn định an ninh trật tự xã hội.

 **C.** phát triển các ngành dịch vụ. **D.** nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 12: Ý nào *không* đúng với phân bố dân cư ở nước ta?**

 **A.** Số dân thành thị nhiều hơn số dân nông thôn. **B.** Dân số thành thị có xu hướng tăng.

 **C.** Tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng. **D.** Thưa thớt ở miền núi và cao nguyên.

**Câu 13: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng nào có diện tích và sản lượng lúa lớn nhất cả nước?**

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 14: Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP ở nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng**

 **A.** giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, khu vực III có tỉ trọng khá cao nhưng chưa ổn định.

 **B.** tăng nhanh tỉ trọng khu vực III và khu vực I, tỉ trọng khu vực II khá cao nhưng chưa ổn định.

 **C.** giảm tỉ trọng khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực I và khu vực III.

 **D.** tăng tỉ trọng của khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và khu vực III.

**Câu 15: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết những thành phố nào có qui mô dân số trên 1000 000 người?**

 **A.** Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. **B.** Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

 **C.** Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh. **D.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

**Câu 16: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp, ngành nào chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm?**

 **A.** trồng trọt. **B.** dịch vụ nông nghiệp.

 **C.** lương thực. **D.** chăn nuôi.

**Câu 17: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành nước ta chuyển dịch theo hướng nào từ năm 2000 - 2007?**

 **A.** giảm tỉ trọng CN khai thác và CN chế biến, tăng tỉ trọng CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

 **B.** giảm tỉ trọng CN khai thác và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước; tăng tỉ trọng CN chế biến.

 **C.** tăng tỉ trọng CN khai thác, giảm tỉ trọng CN chế biến và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

 **D.** giảm tỉ trọng CN khai thác, tăng tỉ trọng CN chế biến và CN sản xuất phân phối điện, khí, nước.

**Câu 18: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất là**

 **A.** Bà Rịa - Vũng Tàu. **B.** Đồng Tháp.

 **C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.

**Câu 19: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng chè nhiều nhất nước ta?**

 **A.** Nam Trung Bộ. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **C.** Tây Nguyên. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 20: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 18, hãy cho biết cây cà phê được trồng chủ yếu ở những vùng nào sau đây?**

 **A.** Trung du miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.

 **B.** Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

 **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

**Câu 21: Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế đang có sự thay đổi theo xu hướng**

 **A.** giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông - lâm - ngư nghiệp.

 **B.** giảm tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ và công nghiệp.

 **C.** giảm tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp - xây dựng.

 **D.** giảm tỉ trọng lao động trong khụ vực dịch vụ .

**Câu 22: Nguyên nhân nào giúp diện tích gieo trồng lúa của nước ta tăng trong thời gian qua?**

 **A.** Thực hiện tốt công tác thuỷ lợi. **B.** Thâm canh tăng vụ.

 **C.** Áp dụng khoa học - kĩ thuật. **D.** Khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 23: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết thành phố nào sau đây có quy mô dân số dưới 1 000 000 người?**

 **A.** TP. Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội. **C.** Biên Hòa. **D.** Hải Phòng.

**Câu 24: Cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở**

 **A.** giá trị sản xuất của từng ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

 **B.** tỉ trọng giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp khai thác trong hệ thống các ngành công nghiệp.

 **C.** tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong hệ thống các ngành công nghiệp.

 **D.** tỉ trọng giá trị sản xuất cùa các ngành công nghiệp chế biến trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**Câu 25: Nơi có mức độ tập trung công nghiệp vào loại *cao nhất* cả nước là**

 **A.** Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.

 **B.** dọc theo duyên hải miền Trung.

 **C.** đồng bằng sông Cửu Long.

 **D.** Đông Nam Bộ và Nam Bộ.

**Câu 26: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất cả nước là**

 **A.** Nghệ An. **B.** Yên Bái. **C.** Lạng Sơn. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 27: Trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt, loại cây trồng nào sau đây có tỉ trọng tăng?**

 **A.** Cây thực phẩm, cây rau đậu **B.** Cây công nghiệp, cây rau đậu.

 **C.** Cây ăn quả. **D.** Cây lương thực.

**Câu 28: Quá trình đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm là**

 **A.** tốc độ nhanh hơn quá trình đô thị hoá của thế giới.

 **B.** tốc độ đô thị hóa chậm, trình độ đô thị hóa còn thấp.

 **C.** tốc độ khá nhanh và trình độ đô thị hóa cao.

 **D.** tốc độ nhanh tuy nhiên quá trình đô thị hóa còn thấp.

**Câu 29: Khu vực có tỉ trọng giảm liên tục trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta là**

 **A.** nông - lâm - ngư nghiệp. **B.** xây dựng

 **C.** dịch vụ. **D.** công nghiệp.

**Câu 30: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết Tây Nguyên *không* có nhà mày thủy điện nào?**

 **A.** Đrây Hlinh. **B.** Xê Xan. **C.** Yaly. **D.** Thác Mơ.

**Câu 31: Căn cứ vào Atlat Địa lí VN trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây dẫn đầu cả nước về thuỷ sản khai thác?**

 **A.** An Giang. **B.** Phú Yên. **C.** Bình Định. **D.** Kiên Giang.

**Câu 32: Nhận định nàosau đây *đúng* với nguồn lao động nước ta hiện nay?**

 **A.** Chất lượng nguồn lao động chưa được nâng cao.

 **B.** Cán bộ quản lí và công nhân lành nghề nhiều.

 **C.** Nguồn lao động trẻ, cần cù, sáng tạo, ham học hỏi.

 **D.** Lao động có trình độ cao tập trung ở miền núi.

**Câu 33: Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản thường được phân bố ở những nơi có**

 **A.** mạng lưới giao thông vận tải phát triển.

 **B.** cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt nhất.

 **C.** nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

 **D.** vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp lớn.

**Câu 34: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây thuộc loại 2**

 **A.** Huế, Nha Trang. **B.** Long Xuyên, Đà Lạt.

 **C.** Thái Nguyên, Nam Định. **D.** Vũng Tàu, Pleiku.

**Câu 35: Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, vùng nông nghiệp mạnh *nhất* nước ta là**

 **A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 36: Dân số nước ta đông và tăng nhanh có thuận lợi gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?**

 **A.** Thuận lợi cho phát triển kinh tế. **B.** Dễ phát triển giáo dục.

 **C.** Nâng cao đời sống nhân dân. **D.** Nguồn lao động dồi dào.

**Câu 37: Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, vùng chiếm hơn 50% *(lớn nhất)* giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta là**

 **A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 38: Cho bảng số liệu:**

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ

NƯỚC TA GIAI ĐOẠN: 2000 - 2005

*(Đơn vị : %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2002** | **2003** | **2004** | **2005** |
| Nông - lâm - ngư nghiệp | 65,1 | 61,9 | 60,3 | 58,8 | 57,3 |
| Công nghiệp - xây dựng | 13,1 | 15,4 | 16,5 | 17,3 | 18,2 |
| Dịch vụ | 21,8 | 22,7 | 23,2 | 23,9 | 24,5 |

Để thể hiện cơ ***cấu lao*** động có việc làm phân theo khu vực kinh tế nước ta, dạng biểu đồ thích hợp nhất là

 **A.** đường. **B.** miền. **C.** kết hợp. **D.** tròn.

**Câu 39: Sự chuyển dịch trong nội bộ ngành ở khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp) của nước ta là**

 **A.** tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

 **B.** tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp tăng trong cơ cấu giá trị nông nghiệp.

 **C.** giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi và thủy sản.

 **D.** tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.

**Câu 40: Cho biểu đồ:**



CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO NHÓM TUỔI

Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây ***không đúng*** về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2015?

 **A.** Từ 25-49 tuổi có tỉ trọng tăng, từ 50 tuổi trở lên giảm.

 **B.** Từ 50 tuổi trở lên có tỉ trọng tăng, từ 25-49 tuổi giảm.

 **C.** Từ 25-49 tuổi có tỉ trọng giảm, từ 15-24 tuổi giảm.

 **D.** Từ 15 -24 tuổi có tỉ trọng giảm, từ 50 tuổi trở lên tăng.

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **C** | **6** | **D** | **11** | **A** | **16** | **A** | **21** | **A** | **26** | **A** | **31** | **D** | **36** | **D** |
| **2** | **D** | **7** | **B** | **12** | **A** | **17** | **B** | **22** | **D** | **27** | **B** | **32** | **C** | **37** | **A** |
| **3** | **A** | **8** | **C** | **13** | **B** | **18** | **D** | **23** | **C** | **28** | **B** | **33** | **C** | **38** | **B** |
| **4** | **D** | **9** | **A** | **14** | **A** | **19** | **B** | **24** | **C** | **29** | **A** | **34** | **C** | **39** | **C** |
| **5** | **D** | **10** | **A** | **15** | **C** | **20** | **B** | **25** | **A** | **30** | **D** | **35** | **C** | **40** | **A** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 4****Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022****MÔN ĐỊA LÍ 12** |

**Câu 1:** Loại cây trồng nào sau đây thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

 **A.** Điều, tiêu. **B.** Cao su, thuốc lá. **C.** Bông, điều. **D.** Dừa, mía.

**Câu 2:** Thành tựu to lớn của công cuộc Đổi mới là

 **A.** thu hút nguồn đầu tư nước ngoài. **B.** tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

 **C.** một số mặt hàng xuất khẩu lớn. **D.** đẩy mạnh hợp tác kinh tế, quốc tế.

**Câu 3:** Ảnh hưởng của việc gia tăng dân số quá nhanh đến lĩnh vực xã hội là:

 **A.** làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. **B.** khó nâng cao chất lượng cuộc sống.

 **C.** gây sức ép về mặt kinh tế - môi trường. **D.** lực lượng lao động dồi dào.

**Câu 4:** Biểu hiện của việc cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta có sự chuyển dịch là

 **A.** các vùng kinh tế động lực được hình thành . **B.** tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.

 **C.** tỉ trọng của khu vực nông – lâm - ngư giảm. **D.** tình trạng lạm phát được kiềm chế và đẩy lùi.

**Câu 5:** Đặc điểm đúng với quá trình đô thị hoá nước ta là

 **A.** tỉ lệ dân thành thị cao. **B.** phân bố đều giữa các vùng.

 **C.** trình độ đô thị hoá thấp. **D.** đô thị hoá diễn ra nhanh.

**Câu 6:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta khá đa dạng là do

 **A.** nguyên liệu nhập khẩu dồi dào. **B.** nguyên, nhiên liệu trong nước phong phú

 **C.** nguồn lao động nước ta dồi dào. **D.** phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết đất trồng cây lương thực, thực phẩm có diện tích lớn nhất ở vùng nào sau đây?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 8:** Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ VIỆT NAM THỜI KÌ 2005 – 2019

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2009** | **2013** | **2015** | **2019** |
| Thành thị | 22.332 | 25.585 | 28.875 | 31.132 | 33.123 |
| Nông thôn | 60.060 | 60.440 | 60.885 | 60.582 | 63.086 |
| **Tổng số dân** | **82.392** | **84.218** | **89.756** | **89.756** | **96.209** |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

 Căn cứ bảng số liệu cho biết, nhận xét nào sau đây **không** đúng với bảng số liệu trên?

 **A.** Tỉ lệ dân thành thị thấp hơn nông thôn, xu hướng tăng.

 **B.** Số dân thành thị tăng mạnh hơn số dân nông thôn.

 **C.** Tỉ lệ dân số nông thôn và thành thị giảm.

 **D.** Quy mô dân số nước ta ngày càng lớn.

**Câu 9:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích lúa cao nhất là?

 **A.** Sóc Trăng **B.** Tiền Giang **C.** Cần Thơ **D.** An Giang

**Câu 10: Cho biểu đồ sau**

CƠ CẤU GDP CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA



Căn cứ biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng GDP của các khu vực kinh tế nước ta?

**A.** Nhà nước giảm liên tục, ngoài Nhà nước không ổn định.

**B.** Nhà nước giảm liên tục, có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh.

**C.** Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng không ổn định.

**D.** Nhà nước giảm liên tục, có vốn đầu tư nước ngoài tăng liên tục

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Phú Quốc. **B.** Định An. **C.** Năm Căn. **D.** Vân Phong.

**Câu 12:** Căn cứ vào vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

 **A.** Đàn gia cầm có xu hướng tăng. **B.** Giá trị sản xuất ngày càng giảm.

 **C.** Tỉ trọng nhỏ hơn trồng trọt. **D.** Chủ yếu là chăn nuôi gia cầm.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây, trung tâm nào có quy mô lớn?

 **A.** Nha Trang. **B.** Huế. **C.** Đà Nẵng. **D.** Tp Hồ Chí Minh.

**Câu 14:** Căn cứ vào vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng chiếm trên 50% ?

 **A.** Quảng Nam. **B.** Gia Lai. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế của nước từ 1995 - 2007?

 **A.** dịch vụ tăng nhưng không ổn định. **B.** Nông-lâm-thủy sản tăng.

 **C.** công nghiệp-xây dựng và dịch vụ tăng. **D.** công nghiệp-xây dựng giảm.

**Câu 16:** Cây cao su ở nước ta được trồng nhiều nhất ở vùng

 **A.** Đông Bắc. **B.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ. **C.** Tây Nguyên.

**Câu 17:** Đô thị nào sau đây của nước ta **không** phải là là đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương?

 **A.** Tp Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội. **C.** Huế. **D.** Cần Thơ.

**Câu 18:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết mật độ dân số nước ta cao nhất ở vùng nào sau đây?

 **A.** Trung du. **B.** Đồng bằng. **C.** Ven biển. **D.** Miền núi.

**Câu 19:** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu thúc đẩy ngành chăn nuôi nước ta ngày càng phát triển?

 **A.** cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt hơn. **B.** dịch vụ giống, thú y phát triển rộng khắp.

 **C.** nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm. **D.** kĩ thuật chăn nuôi ngày càng tiến bộ.

**Câu 20:** Phần lớn đàn lợn và gia cầm của nước ta thường được nuôi nhiều ở

 **A.** đồng bằng ven biển. **B.** vùng trung du. **C.** các cao nguyên. **D.** các đồng bằng lớn.

**Câu 21:** Ở nông thôn, tình trạng thiếu việc làm diễn ra còn phổ biến là vì:

 **A.** quá trình công nghiệp hóa nông thôn chậm. **B.** lao động tập trung ở nông thôn lớn

 **C.** hoạt động phi nông nghiệp phát triển **D.** sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp lâu năm nào sau đây được trồng chủ yếu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Chè. **B.** Hồ tiêu. **C.** Cao su. **D.** Điều.

**Câu 23:** Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay?

 **A.** Nhà nước quản lí các ngành then chốt.

 **B**. Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước.

 **C**. Còn chưa theo hướng công nghiệp hóa.

 **D.** Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm.

**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy thuỷ điện Bản Vẽ được xây dựng trên sông nào sau đây ?

 **A.** Sông Mã. **D.** Sông Chu. **C.** Sông Đà. **B.** Sông Cả.

**Câu 25:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

 **A.** đang có sự chuyển dịch rõ rệt. **B.** phân bố tập trung ở một số khu vực.

 **C.** có cơ cấu ngành khá đa dạng. **D.** gồm một số ngành trọng điểm.

**Câu 26:** Điểm nào sau đây **không** đúng với ngành điện lực ở nước ta hiện nay?

 **A.** Phả Lại, Uông Bí có công suất trên 1000 MW **B.** Mạng lưới điện rộng khắp cả nước.

**C.** Hiện nay nguồn điện chủ yếu từ nhiệt điện. **D.** Sông Hồng có tiềm năng thủy điện lớn nhất

**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thuỷ sản của nước ta hiện nay?

 **A.** Sản lượng khai thác ngày càng tăng. **B.** Đang đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

 **C.** Ngành nuôi trồng có tỉ trọng ngày càng tăng. **D.** Khai thác thuỷ sản gần bờ là chủ yếu.

**Câu 28:** Khu vực có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất nước ta là

 **A.** đồng bằng sông Hồng và phụ cận. **B.** Đông Nam Bộ và phụ cận.

 **C.** duyên hải ven biển miền Trung. **D.** đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 29: Cho bảng số liệu sau:**

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2014 (THEO GIÁ HIỆN HÀNH)

 *(Đơn vị: %)*

|  |  |
| --- | --- |
| Kinh tế Nhà nước | 35,6 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 45,6 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 18,8 |
| Tổng số | 100,0 |

Dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, năm 2014 là

 A. tròn B. đường C. cột D. miền